

Đơn vị: VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
Chương: 423

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH
6 tháng đầu năm 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-SYT ngày 08/7/2026)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách Nhà Nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách Nhà Nước;

Cơ quan Văn phòng Sở Y tế tỉnh Ninh Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	4.500	1.538,175	34,2%	
1	Lệ phí				
2	Phí	4.500	1.538,175	34,2%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0			
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	4.500	1.538,175	34,2%	
1	Lệ phí				
2	Phí	4.500	1.538,175	34,2%	
B	Dự toán chi NSNN				
I	Nguồn ngân sách trong nước	169.101,4	124.432,437	73,53%	
1	Chi quản lý hành chính	42.640	11.696,907	27,43%	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.1	KP giao thực hiện chế độ tự chủ	24.441	9.129,426	37,3%	
1.2	KP giao không thực hiện chế độ tự chủ	17.183	2.567,481	0,15%	
1.3	Quỹ tiền thưởng theo NĐ73	1.016	0	0%	
2	Chi sự nghiệp KHCN	0			
3	Chi sự nghiệp GDĐT	0			
4	Chi sự nghiệp y tế dân số	116.788	105.105,816	89,99%	
4.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	0			
4.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	116.788	105.105,816	89,99%	
5	Chi bảo đảm xã hội	9.668	7.624,347	78,86%	
5.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	0			
5.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	9.668	7.624,347	78,86%	
6	Chi hoạt động kinh tế	0			
7	Chi sự nghiệp BVMT	0			
8	Chi sự nghiệp VHTT	5,4	5,367	99,4%	
9	Chi sự nghiệp PT, TH, thông tin	0			
10	Chi sự nghiệp TĐTT	0			
II	Nguồn viện trợ	0			
III	Nguồn vay nợ	0			